TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS- ST
Ngày 02/8/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Truyền

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày **02** tháng **8** năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122 /2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: T, A H, H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B do ông Đỗ Ngọc B giám đốc chi nhánh làm đại diện.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang H– Phó giám đốc phòng giao dịch M.

Ông Lê Chấn T- Chuyên viên quản lý khách hàng - phòng giao dịch M.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1975;

Ông Đường Thanh M, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông H, ông T, ông M có mặt, bà P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

ông Lê Quang H trình bày:

Bà Trần Thị P và ông Đường Thanh M có vay tại ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B –Phòng giao dịch M, có ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/8783674/HĐTD ngày 26-7-2016. Cụ thể như sau: Số tiền vay là: 200.000.000 đồng, mục đích vay là bơm cát san lấp và mua vật dụng gia đình, thời gian vay là 58 tháng, từ ngày 26-7-2016 đến hết ngày 26-5-2021.

Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh theo định kỳ.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất nợ lãi: Lãi vay được thanh toán cùng kỳ với kỳ trả nợ gốc.

Phí : Các loại phí được áp dụng cho từng lần cụ thể, mức phí theo qui định của ngân hàng.

Lịch trả nợ gốc: trả định kỳ vào ngày 22 hàng tháng với số tiền 3.500.000 đồng/tháng, bắt đầu trả vào ngày 22-8-2016, kỳ cuối trả 500.000 đồng/tháng vào ngày 26-5-2021.

Lãi vay được bên vay trả cùng kỳ với nợ gốc.

Hình thức đảm bảo là thế chấp QSD đất.

Trong thời gian vay, bà P và ông M đã trả được nợ gốc là 59.500.000 đồng và lãi. Sau đó không trả nợ theo hợp đồng và để quá hạn nợ lãi từ ngày 22-01-2018. Đến thời điểm này còn nợ lại 140.500.000 đồng tiền nợ gốc và lãi.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu bà P, ông M trả là 171.348.102 đồng trong đó gốc 140.500.000 đồng, tiền lãi là 27.668.789 đồng (trong đó lãi trong hạn là 523.753 đồng, lãi quá hạn là 27.145.036 đồng), phí trả chậm là 3.179.313 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03-8-2019 đến khi khách hàng trả tất nợ vay theo hợp đồng. Trong trường hợp bà P cùng ông M không thanh toán tất toàn bộ số nợ vay tại Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất 959m^2 đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 2208, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành AH 433548 do UBND huyện M cấp ngày 24-01-2007, số vào sổ H01605. Tên chủ sử dụng bà Trần Thị P và ông Đường Thanh M.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu bà P, ông M thanh toán phí thi hành án và tất cả các chi phí phát sinh khác bao gồm cả phí luật sư do Ngân hàng khởi kiện bà P và ông M để thu hồi nợ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Chấn T trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của ông H, không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Đường Thanh M trình bày:

Qua lời trình bày của đại diện Ngân hàng ông thống nhất toàn bộ, ông và bà P có vay của Ngân hàng TMCP Đ 200.000.000 đồng vào năm 2016 theo như hợp đồng, có thế chấp QSD đất, ông và bà P đã trả được một phần tiền vốn gốc và lãi, hiện nay ông và bà P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 140.500.000 đồng và lãi đến nay chưa trả. Nay ông đồng ý cùng bà P liên đới trả cho Ngân hàng số nợ này gồm nợ gốc là 140.500.000 đồng, nợ lãi, phí phạt. Nếu ông và bà P không trả tiền ông

đồng ý xử lý tài sản theo hợp đồng đã thế chấp cho ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

Về quyền khởi kiện: Ngân hàng cho rằng quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm bởi hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà P, ông M nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Ngân hàng có quyền khởi kiện.

Về thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập giao dịch ngày 26-7-2016 kể từ tháng 01/2018 phía bà P, ông M thực hiện không đúng nghĩa vụ theo hợp đồng. Đến ngày 19-3-2019 thì Ngân hàng khởi kiện. Căn cứ điều 429, 688 Bộ luật dân sự thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của Ngân hàng là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp.

Bị đơn bà Trần Thị P đã được Tòa án triệp tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phấn là phù hợp.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

Tại phiên tòa Ngân hàng rút phần yêu cầu bà P, ông M thanh toán phí thi hành án và tất cả các chi phí phát sinh khác bao gồm cả phí luật sư do Ngân hàng khởi kiện bà P và ông M để thu hồi nợ. Việc rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

Đối với yêu cầu trả tiền vay của nguyên đơn thấy rằng:

Giao dịch vay tiền giữa bà P và ông M với Ngân hàng TMCP Đ được các bên tự nguyện ký kết xác lập theo hợp đồng: số 01/2016/8783674/HĐTD ngày 26-7-2016. Cụ thể như sau: Số tiền vay là: 200.000.000 đồng, mục đích vay là bơm cát san lấp và mua vật dụng gia đình, thời gian vay là 58 tháng, từ ngày 26-7-2016 đến hết ngày 26-5-2021. Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh theo định kỳ. Lãi suất nợ lãi: Lãi vay được thanh toán cùng kỳ với kỳ trả nợ gốc. Trả định kỳ vào ngày 22 hàng tháng. Phí : Các loại phí được áp dụng cho từng lần cụ thể, mức phí theo qui định của ngân hàng. Hình thức đảm bảo là thế chấp QSD đất. Đại diện Ngân hàng cho rằng tính đến ngày 02-8-2019 bà P, ông M đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc bà P và ông M đã trả được nợ gốc là 59.500.000 đồng và lãi. Sau đó không trả nợ theo hợp đồng và

để quá hạn nợ lãi từ ngày 22-01-2018. Đến thời điểm này còn nợ lại 140.500.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi. Tổng nợ vay tính đến hết ngày 02-8-2019 là 171.348.102 đồng trong đó gốc 140.500.000 đồng, tiền lãi là 27.668.789 đồng (trong đó lãi trong hạn là 523.753 đồng, lãi quá hạn là 27.145.036 đồng), phí trả chậm là 3.179.313 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà P, ông M trả là 171.348.102 đồng trong đó gốc 140.500.000 đồng, tiền lãi là 27.668. 789 đồng (trong đó lãi trong hạn là 523.753 đồng, lãi quá hạn là 27.145.036 đồng), phí trả chậm là 3.179.313 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03-8-2019 đến khi khách hàng trả tất nợ vay theo hợp đồng. Xét thấy, hai bên thỏa thuận trả nợ theo từng tháng nhưng bà P, ông M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P, ông M trả nợ là có cơ sở. Tính đến ngày 02-8-2019, bà P, ông M còn nợ 140.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 27.668.000 đồng (trong đó lãi trong hạn là 523.753 đồng, lãi quá hạn là 27.145.036 đồng), phí trả chậm là 3.179.313 đồng, thấy rằng số tiền nợ gốc, mức lãi suất và thời gian trả lãi, phí trả chậm mà Ngân hàng yêu cầu phù hợp với nội dung mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp pháp luật, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì Tòa án đã triệu tập bà P nhiều lần nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do và bà P cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến phản bác lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với ông M có lời khai thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ nên Hội đồng xét xử buộc ông bà P, ông M phải trả số tiền vay tính đến ngày 02-8-2019 tổng số tiền là 171.348.102 đồng trong đó tiền gốc 140.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 523.753 đồng, lãi quá hạn là 27.145.036 đồng, phí trả chậm là 3.179.313 đồng cho Ngân hàng là phù hợp.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thấy rằng: Bà P và ông M vay tiền đồng thời thế chấp tài sản theo hợp đồng số 01/2016/8783674/HĐBĐ ngày 26-7-2016 để bảo đảm cho hợp đồng vay tiền là QSD đất 959m^2 đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 2208, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Trần Thị P và ông Đường Thanh M đứng tên QSD đất, xét thấy: Hợp đồng thế chấp đúng theo qui định của pháp luật có đăng ký tài sản đảm bảo nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản trên đất nêu trên. Trong trường hợp bà P cùng ông M không thanh toán tất toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện M phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[3] Do bà P, ông M vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, khoản 1 điều 217, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán phí thi hành án và tất cả các chi phí phát sinh khác bao gồm cả phí luật sư do Ngân hàng khởi kiện bà P, ông M để thu hồi nợ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị P vào ông Đường Thanh M trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 171.348.102 đồng trong đó tiền gốc 140.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 523.753 đồng, lãi quá hạn là 27.145.036 đồng, phí trả chậm là 3.179.313 đồng.

Bà P, ông M phải tiếp tục trả lãi của số tiền vốn gốc 140.500.000 đồng cho Ngân hàng kể từ ngày 03-8-2019 cho đến khi thi hành xong theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8783674/HĐTD ngày 26-7-2016.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ngân hàng, nếu bà P, ông M chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện M phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8783674/HĐBĐ ngày 26-7-2016 được ký kết giữa bà P, ông M với Ngân hàng là QSD đất 959m^2 đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 2208, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp Thanh Bình 1, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Trần Thị P và ông Đường Thanh M đứng tên QSD đất.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P, ông M phải nộp là 8.567.400 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.044.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002888 ngày 03-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu tòa cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (01b);*
- *Các đương sự (03b);*
- *Lưu Hồ sơ, vp (03b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên